

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9- 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Độ

Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1999. Nơi thường trú: Cụm 1, xã Ô, thành phố H; *có mặt*.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1992. Nơi thường trú: Cụm 1, xã Ô, thành phố H. Hiện tại đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 15, Phân trại số 1, Trại giam T, tỉnh T1; *có đơn xin xét xử vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của nguyên đơn là chị Bùi Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, thành phố H (nay là xã Ô, thành phố H) ngày 05/09/2017. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 07 năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng không hiểu nhau, không thông cảm, không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau một cách thậm tệ. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 11 năm 2019 dẫn đến chị và anh H đã chính thức sống ly thân. Thời gian đầu, chị về ở cùng với gia đình sau đó chị dọn ra ngoài thuê nhà trọ, làm quán gội đầu và lưu trú tại quán. Trong suốt thời gian đó chị đã cố gắng níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài.

Đến ngày 13/03/2023, anh Nguyễn Trọng H bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh) tuyên án 8 năm tù giam về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và đang chấp hành hình phạt tù giam tại Đội 15, Phân trại số 1, Trại giam T. Chị không còn tình cảm với anh H, không còn yêu thương và trách nhiệm gì với nhau nữa. Hôn nhân của anh chị không đem đến cho vợ chồng một gia đình yên ấm hạnh phúc. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Quang T, sinh ngày 19/10/2017 và cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 24/05/2019. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng nhà với ông bà nội. Chị vẫn về thăm con và gửi tiền để ông bà đóng học cho cháu. Chị có cửa hàng gội đầu và làm Nail, có thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống của chị và các con. Do anh H đang chấp hành án nên chị nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại phân trại 1, Trại giam Thanh Lâm bị đơn là anh Nguyễn Trọng H trình bày:

Anh và chị Bùi Thị B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, thành phố H (nay là xã Ô, thành phố H) năm 2017. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhiều năm nay, đã sống ly thân trước khi anh bị bắt. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Chị B xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Quang T, sinh ngày 19/10/2017 và cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 24/05/2019. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng nhà với ông bà nội, chị B không trực tiếp nuôi con và không thuê nhà ở khu vực L, xã Ô. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Bà Nguyễn Thị Thành mẹ đẻ anh Nguyễn Trọng H trình bày: Năm 2017 anh H kết hôn với chị B, sau khi cưới anh chị ăn chung, ở chung cùng nhà với bà. Vợ chồng anh H chị B thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Năm 2019 chị B đã đưa con gái về quê, sau đó thuê nhà ở ngoài đến khi chị đi làm thì chị mang con về nhờ bà chăm sóc. Anh H và chị B đã ly thân nhiều năm nay. Chị B có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh H, chị B có 02 con chung, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với bà. Chị B đang thuê nhà ở ngoài, thỉnh thoảng chị về thăm con, có lúc ở lại nhà bà vài ngày xong chị lại đi. Chị B vẫn gửi tiền về để bà đóng học hoặc chị tự đóng học cho cô giáo. Theo quy định pháp luật, ly hôn phải giao con cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng, bà đồng ý để chị B trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung của anh chị, bà không có ý kiến và phản đối gì. Về tài sản chung và nợ chung cả anh H, chị B tự giải quyết. Anh chị ly hôn bà không phải thanh toán bất kỳ tài sản gì cho anh chị.

Tại phiên tòa: Chị B giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện xin được ly hôn, được nuôi con chung, về tài sản chung: Không có. Anh H có đơn xin xét xử

vắng mặt, quan điểm giải quyết vụ án anh đã trình bày tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị B. Chị Bùi Thị B được ly hôn anh Nguyễn Trọng H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Quang T, sinh ngày 19/10/2017 và cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 24/05/2019 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ nuôi con chung đối với anh H cho đến khi chị B có yêu cầu mới. Về tài sản chung và nợ: Không có. Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Bùi Thị B xin ly hôn anh Nguyễn Trọng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Ô, thành phố H. Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị B và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Anh H đang chấp hành án tại phân trại 1, Trại giam T, anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Trọng H xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, thành phố H (nay là xã Ô, thành phố H) ngày 05/9/2017 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ trình bày của các bên đương sự, cũng như kết quả điều tra, xác minh thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 do

bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 11/2019, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Ngày 13/3/2023, anh H bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) xử phạt 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị B có yêu cầu ly hôn, anh H cũng thừa nhận không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị được ly hôn anh H.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Quang T, sinh ngày 19/10/2017 và cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 24/5/2019. Hiện nay các cháu đang ở cùng ông bà nội. Cháu T có nguyện vọng được ở với chị B sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, chị B có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh H đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện thực hiện nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung. Bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ anh H) cũng thống nhất để chị B trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu T và cháu H1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm này là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Trọng H có quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B được ly hôn anh Nguyễn Trọng H.

1.2. Về con chung: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Trọng H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng Quang T, sinh ngày 19/10/2017 và cháu Nguyễn Thị Gia H1, sinh ngày 24/5/2019.

Giao cháu Nguyễn Trọng Quang T và cháu Nguyễn Thị Gia H1 cho chị Bùi Thị B nuôi dưỡng cho đến khi cháu T, cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Trọng H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Trọng H cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004141 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Trọng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo qui định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Ô (xã L cũ)
- (số 29 ngày 05/9/2017)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

